

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02213** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Sinh thái nông nghiệp và PTBV**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD	
1	2256201161340	Trần Thanh	Danh	29/11/2005				9	9.5					8.2		8.7
2	2256201161343	Chau Sóc	Ron	05/01/2004				8.5	9.0					8.4		8.6
3	2256201161344	Phan Thành	Long	09/12/2007				7	7.0					0.0		2.8
4	2256201161345	Trần Nhựt	Trường	12/07/2004				9	9.5					9.0		9.1
5	2256201161346	Phan Thị Kim	Tiền	06/05/2006				5	5.0					0.0		2.0
6	2256201161390	Trần Trung	Cường	05/10/2007				9	9.0					0.0		3.6
7	2256201161391	Nguyễn Thái	Dương	28/04/2004				9	9.0					8.0		8.4
8	2256201161393	Đặng Thành	Hiếu	20/08/2007				8	7.0					5.6		6.3
9	2256201161394	Huỳnh Trung	Huy	26/05/2007				8	8.0					7.4		7.6
10	2256201161395	Nguyễn Văn	Huy	11/03/2007				7	7.0					5.4		6.0
11	2256201161396	Đoàn Chấn	Khang	20/07/2007				7	7.5					6.6		6.9
12	2256201161397	Nguyễn Thanh	Ngọc	02/03/2000				9.5	9.5					8.0		8.6
13	2256201161398	Trần Thị Yến	Ngọc	11/05/2007				8	7.5					6.6		7.0
14	2256201161400	Võ Thanh	Phong	12/03/1999				9	9.0					8.8		8.9
15	2256201161401	Chau	Rích	29/12/2004				9	9.0					8.0		8.4
16	2256201161403	Trần Minh	Tính	20/07/2005				8	8.0					6.4		7.0
17	2256201161404	Nguyễn Phước	Toàn	19/10/2003				8	9.0					8.0		8.3
18	2256201161405	Hồ Minh	Triết	01/07/2007				7	9.0					6.8		7.4
19	2256201161406	Phạm Luân Bền	Vững	11/05/2006				7	8.0					7.0		7.3
20	2256201161407	Nguyễn Ngọc Tường	Vý	30/08/2006				5	7.5					0.0		2.7

Châu Đốc, ngày 26 tháng 6 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Phương Thùy